

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2009**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Tài	Chủ tịch
Ông Huỳnh Văn Bảo	Thành viên
Ông Lê Hảo	Thành viên
Bà Võ Thị Thủy	Thành viên
Ông Huỳnh Ngọc Hiếu	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Bảo	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2009)
Ông Huỳnh Ngọc Hiếu	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2009)
Ông Bùi Phước Tiên	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2009)
Ông Võ Bảo	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2009)
Bà Võ Thị Thủy	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ kế toán phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Huỳnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 20 tháng 7 năm 2009

Số: /2009/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 của
Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc phỏng vấn các nhân viên của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; và do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Lê Xuân Thắng
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV
Ngày 20 tháng 7 năm 2009

Khúc Đình Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2009	01/01/2009
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.751.363.157	148.649.913.362
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.653.515.318	12.748.104.940
1. Tiền	111		7.653.515.318	12.711.460.618
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	36.644.322
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	50.000.000.000	90.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		50.000.000.000	90.500.000.000
III. Các khoản phải thu	130		8.224.530.388	15.239.863.551
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	1.690.258.931	7.544.777.535
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1.094.326.085	790.758.889
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	5.439.945.372	6.904.327.127
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	14.006.835.601	29.858.584.277
1. Hàng tồn kho	141		14.006.835.601	34.170.509.367
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(4.311.925.090)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		866.481.850	303.360.594
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.7	122.170.220	303.360.594
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	744.311.630	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		296.599.618.579	239.003.234.661
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		95.800.000	99.900.000
4. Phải thu dài hạn khác	213	V.9	95.800.000	99.900.000
II. Tài sản cố định	220		88.340.333.263	88.037.118.289
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	46.816.442.605	51.678.427.395
- Nguyên giá	222		95.746.185.560	100.150.284.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.929.742.955)	(48.471.857.150)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.416.134.380	1.428.118.480
- Nguyên giá	228		1.517.998.480	1.517.998.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(101.864.100)	(89.880.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	40.107.756.278	34.930.572.414
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		206.905.475.670	149.769.365.670
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	27.750.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	200.290.346.470	176.470.346.470
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.15	(21.134.870.800)	(26.700.980.800)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.258.009.646	1.096.850.702
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	1.258.009.646	1.096.850.702
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		377.350.981.736	387.653.148.023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2009	01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		49.068.149.963	65.634.434.656
I. Nợ ngắn hạn	310		46.476.175.039	62.017.449.857
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	30.000.000.000	200.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.18	616.363.350	2.603.192.648
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	1.789.622.852	2.080.631.609
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	4.055.079.444	414.773.893
5. Phải trả người lao động	315	V.21	8.251.251.627	31.266.852.944
6. Chi phí phải trả	316	V.22	-	144.252.518
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.23	1.763.857.766	25.307.746.245
II. Nợ dài hạn	330		2.591.974.924	3.616.984.799
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.24	177.100.000	177.100.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	400.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	2.414.874.924	3.039.884.799
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		328.282.831.773	322.018.713.367
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.26	317.804.758.011	315.054.125.194
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		172.609.760.000	172.609.760.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.372.608.450	2.372.608.450
4. Cổ phiếu quỹ	414		(14.047.089.295)	(14.047.089.295)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		53.698.326.664	32.393.279.532
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		19.050.000.000	19.050.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		84.121.152.192	102.675.566.507
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.27	10.478.073.762	6.964.588.173
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		10.478.073.762	6.964.588.173
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		377.350.981.736	387.653.148.023

Huỳnh Ngọc Hiếu
 Giám đốc
 Ngày 20 tháng 7 năm 2009

Bùi Phước Tiên
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	60.290.498.754	109.448.053.859
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	60.290.498.754	109.448.053.859
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	50.393.888.266	60.897.393.789
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.896.610.488	48.550.660.070
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.077.904.654	4.274.382.061
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(5.501.304.758)	19.217.703.018
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		64.787.361	14.560.000
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	924.588.862	1.284.579.511
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3.558.644.008	4.069.806.901
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.992.587.030	28.252.952.701
11. Thu nhập khác	31	VI.7	10.786.413.496	20.142.757.908
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.725.141.436	3.549.700.606
13. Lợi nhuận khác	40		9.061.272.060	16.593.057.302
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.053.859.090	44.846.010.003
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.602.741.273	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.451.117.817	44.846.010.003
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.308	2.613

Huỳnh Ngọc Hiếu
Giám đốc
Ngày 20 tháng 7 năm 2009

Bùi Phước Tiên
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	65.725.507.124	104.981.057.846
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(20.422.059.209)	(44.666.320.751)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(36.119.295.079)	(44.773.964.785)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(64.787.361)	(14.560.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.809.776.665	1.261.514.840
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(18.966.360.719)	(17.186.007.858)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.037.218.579)	(398.280.708)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(1.641.381.400)	(1.693.360.335)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản khác	22	11.751.799.010	308.608.380
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(112.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	40.500.000.000	120.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(50.603.100.000)	(6.118.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.875.342.178	9.246.866.935
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.882.659.788	9.744.114.980
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	30.000.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(600.000.000)	(100.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.340.030.831)	(51.482.910.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.940.030.831)	(51.582.910.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.094.589.622)	(42.237.075.728)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.748.104.940	53.020.694.280
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.653.515.318	10.783.618.552

Huỳnh Ngọc Hiếu
Giám đốc
 Ngày 20 tháng 7 năm 2009

Bùi Phước Tiên
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Nông trường cao su Hòa Bình và Nhà máy chế biến cao su Hòa Bình - bộ phận doanh nghiệp Nhà Nước thuộc Công ty cao su Bà Rịa theo Quyết định số 5360/QĐ-BNN-TCCB ngày 05 tháng 12 năm 2003.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 22 tháng 4 năm 2004, và các lần sửa đổi:

- Đăng ký sửa đổi lần thứ 1, ngày 1 tháng 3 năm 2007;
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 2, ngày 7 tháng 5 năm 2008.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008, vốn điều lệ của Công ty là : 172.609.760.000 đồng, tổng số cổ phiếu là 17.260.976 với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty tại Ấp 7, xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su, cà phê, điều;
- Chế biến mủ cao su;
- Mua bán thiết bị sản xuất mủ cao su;
- Mua bán nông sản thô chưa chế biến (lông động vật, da chưa thuộc, sữa tươi, các loại rau, củ hạt, tơ, len thô, mủ cao su,...);
- Mua bán nông sản sơ chế.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam, Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị của hàng tồn kho xuất dùng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Riêng tài sản cố định là vườn cây cao su được trích theo Quyết định 165/QĐ-TCKT ngày 21 tháng 02 năm 2005 của Tổng Công ty cao su Việt Nam, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 11
Máy móc và thiết bị	06 - 30
Thiết bị văn phòng	20 - 30
Phương tiện vận tải	08 - 11
Vườn cây cao su	3,64 - 19,72
Tài sản khác	05 - 20

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng lô đất là 38 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, công cụ dụng cụ, chi phí vườn nhân, vườn ương bầu.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định trả trước được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 2 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Các chi phí vườn giống cao su được phân bổ vào chi phí sản xuất cây giống theo phương pháp số lượng cây giống sản xuất hàng năm với thời gian phân bổ không quá 8 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

(bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh đối với sản xuất cao su, thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh đối với các hoạt động kinh doanh còn lại. Sau thời gian áp dụng mức thuế suất ưu đãi này Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% trong 8 năm tiếp theo đối với sản xuất cao su, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo đối với các hoạt động kinh doanh còn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	17.549.281	41.901.571
Tiền gửi ngân hàng	7.635.966.037	12.669.559.047
Các khoản tương đương tiền	-	36.644.322
Tổng cộng	7.653.515.318	12.748.104.940

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm	50.000.000.000	86.000.000.000
Cho Công ty Cổ Phần Gỗ MDF Geruco Quảng Trị vay	-	4.500.000.000
Tổng cộng	50.000.000.000	90.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****3. Phải thu khách hàng**

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Weber & Schaer GMBH	1.190.577.866	-
Sintex Chemical Corp	499.076.122	2.310.230.160
R1 International Pte Ltd	-	1.431.240.552
The Oc Group	461.848	1.878.987.197
Công ty TMKT & ĐT Petec	-	1.920.057.955
Các khách hàng khác	143.095	4.261.671
Tổng cộng	1.690.258.931	7.544.777.535

4. Trả trước cho người bán

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tổ HD nhận khoán vườn giống cao su	660.375.000	460.375.000
Ông Huỳnh Quang Trung	120.000.000	120.000.000
Trung tâm đo đạc đất đai Bà Rịa - Vũng Tàu	54.917.889	54.917.889
DNTN TM & DV Hòa Tường	-	56.000.000
Văn phòng Luật sư Hoàng Hà	10.000.000	10.000.000
Cty CP Công Nghệ Thái Bình Dương	104.000.000	-
Nguyễn Thị Phiến	28.000.000	-
Hoàng Khôi	112.000.000	-
Các đối tượng khác	5.033.196	89.466.000
Tổng cộng	1.094.326.085	790.758.889

5. Các khoản phải thu khác

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trái phiếu	3.780.307.797	5.602.488.889
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	1.452.338.135	202.472.202
Phải thu Công ty Cao su Bà Rịa	10.000.000	966.900.000
Phải thu BCH Quận sự huyện Xuyên Mộc	30.000.000	30.000.000
Phải thu tổ khoán vườn giống cao su	100.000.000	-
Phải thu tiền nhà đất CB.CNV	41.852.240	-
Phải thu tiền 1% BHYT của CN	25.000.000	-
Các khoản khác	447.200	102.466.036
Tổng cộng	5.439.945.372	6.904.327.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.852.458.843	1.310.278.700
Công cụ, dụng cụ	493.818.133	313.802.341
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	482.621.841	146.702.841
Thành phẩm	10.177.936.784	32.399.725.485
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(4.311.925.090)
Tổng cộng	14.006.835.601	29.858.584.277

7. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	122.170.220	303.360.594
Tổng cộng	122.170.220	303.360.594

8. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	744.311.630	-
Tổng cộng	744.311.630	-

9. Phải thu dài hạn khác

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu dài hạn khác	95.800.000	99.900.000
Tổng cộng	95.800.000	99.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Xã Hòa Bình, Huyện Xuyên Mộc

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Vườn cây cao su VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2009	32.750.810.085	4.109.971.568	8.730.573.623	358.205.425	52.389.922.440	1.810.801.404	100.150.284.545
Điều chỉnh do phân loại lại	-	-	-	-	(265.128.564)	265.128.564	-
Giảm trong năm do thanh lý	-	-	(65.494.346)	-	(4.338.604.639)	-	(4.404.098.985)
Tại ngày 30/06/2009	<u>32.750.810.085</u>	<u>4.109.971.568</u>	<u>8.665.079.277</u>	<u>358.205.425</u>	<u>47.786.189.237</u>	<u>2.075.929.968</u>	<u>95.746.185.560</u>
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2009	12.424.088.937	2.345.641.054	3.448.424.642	217.350.182	29.096.991.623	939.360.712	48.471.857.150
Khấu hao trong năm	873.272.353	90.498.657	242.892.720	11.681.844	1.927.611.075	51.781.096	3.197.737.745
Điều chỉnh do phân loại lại	-	15.500.000	(15.500.000)	-	-	-	-
Giảm trong năm do thanh lý	-	-	(65.494.346)	-	(2.674.357.594)	-	(2.739.851.940)
Tại ngày 30/06/2009	<u>13.297.361.290</u>	<u>2.451.639.711</u>	<u>3.610.323.016</u>	<u>229.032.026</u>	<u>28.350.245.104</u>	<u>991.141.808</u>	<u>48.929.742.955</u>
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2009	<u>20.326.721.148</u>	<u>1.764.330.514</u>	<u>5.282.148.981</u>	<u>140.855.243</u>	<u>23.292.930.817</u>	<u>871.440.692</u>	<u>51.678.427.395</u>
Tại ngày 30/06/2009	<u>19.453.448.795</u>	<u>1.658.331.857</u>	<u>5.054.756.261</u>	<u>129.173.399</u>	<u>19.435.944.133</u>	<u>1.084.788.160</u>	<u>46.816.442.605</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2009	1.517.998.480
Tại ngày 30/06/2009	<u>1.517.998.480</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2009	89.880.000
Khấu hao trong kỳ	11.984.100
Tại ngày 30/06/2009	<u>101.864.100</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2009	1.428.118.480
Tại ngày 30/06/2009	<u><u>1.416.134.380</u></u>

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Xây dựng cơ bản vườn cao su	39.989.952.118	34.812.768.254
Xây dựng cơ bản thuê ngoài	117.804.160	117.804.160
Tổng cộng	<u><u>40.107.756.278</u></u>	<u><u>34.930.572.414</u></u>

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	27.750.000.000	-
Tổng cộng	<u><u>27.750.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30/06/2009 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Phát triển Cao su Bà Rịa - Kampong Thom	Campuchia	30	30	Trồng cây cao su

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2009, Công ty TNHH Cao su Bà Rịa - Kampong Thom chưa đi vào hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****14. Đầu tư dài hạn khác**

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty CP cao su Việt Lào	90.000.000.000	79.000.000.000
Cổ phần Công ty CP chế biến gỗ Thuận An	1.491.750.000	1.491.750.000
Góp vốn Công ty CP thủy sản An Phú - Đồng Tháp	10.000.000.000	10.000.000.000
Góp vốn Công ty CP KCN Long Khánh	14.440.000.000	7.220.000.000
Cổ phần Quỹ đầu tư chứng khoán con Hồ Việt Nam	20.200.000.000	20.200.000.000
Cổ phần Quỹ đầu tư tăng trưởng Việt Long	30.450.000.000	30.450.000.000
Cổ phần Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	12.720.000.000	12.720.000.000
Cổ phần Công ty CPXD> - Cty Cao su Đồng Nai	2.492.600.000	2.492.600.000
Góp vốn Công ty CP cao su Lai Châu	11.018.000.000	6.018.000.000
Góp vốn vào Công ty CP cao su Bình Long – Tà Thiết	1.200.000.000	600.000.000
Cổ phần Công ty CP cao su Đồng Phú	1.077.996.470	1.077.996.470
Tiền gửi Công ty Tài chính cao su kỳ hạn 2 năm	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư Trái phiếu và Công trái	4.200.000.000	4.200.000.000
Tổng cộng	200.290.346.470	176.470.346.470

15. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Cổ phần Công ty CP chế biến gỗ Thuận An	(12.750.000)	(178.500.000)
Cổ phần Quỹ đầu tư chứng khoán con Hồ Việt Nam	(6.682.000.000)	(9.022.000.000)
Cổ phần Quỹ đầu tư tăng trưởng Việt Long	(13.950.000.000)	(16.842.000.000)
Cổ phần Công ty CP cao su Đồng Phú	(490.120.800)	(658.480.800)
Tổng cộng	(21.134.870.800)	(26.700.980.800)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	271.424.909	238.498.545
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	739.551.653	611.319.073
Chi phí vườn nhân, vườn ương bầu	247.033.084	247.033.084
Tổng cộng	1.258.009.646	1.096.850.702

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Xã Hòa Bình, Huyện Xuyên Mộc

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****17. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	-	200.000.000
Ngân hàng NN & PTNN - huyện Châu Đức	20.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Hồ Chí Minh	10.000.000.000	-
Tổng cộng	30.000.000.000	200.000.000

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - Chi nhánh Huyện Châu Đức dưới hình thức hợp đồng tín dụng. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 20.000.000.000 VND và đáo hạn vào ngày 29 tháng 10 năm 2009. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty và chịu lãi suất 6%/năm.

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh dưới hình thức hợp đồng tín dụng. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 50.000.000.000 VND và đáo hạn vào ngày 27 tháng 07 năm 2009. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty và chịu lãi suất 7,5%/năm.

18. Phải trả người bán

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty Cao su Bà Rịa	-	722.248.374
Công ty CP XD Cao su Đồng Nai	35.600.000	35.600.000
Phải trả mua mù cao su của Tiểu Điền	-	850.111.863
Công ty TNHH Khánh Ngân	32.000.000	32.000.000
Hiệp hội Cao su Việt Nam	-	450.162.931
Doanh Nghiệp tư nhân Sĩ Đăng	15.000.000	15.000.000
Công ty CP TM DV & Du lịch Cao su	-	147.575.400
Công ty SX TM Thiên Sinh	533.763.350	-
Các nhà cung cấp khác	-	350.494.080
Tổng cộng	616.363.350	2.603.192.648

19. Người mua trả tiền trước

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
R1 International Pte. Ltd.	-	1.527.930
The Oc Group	318.182.424	318.182.425
Công ty TNHH ĐT & PTCN Hoa Sen	100.314.672	100.374.672
Công ty CPKD & ĐT Bình Dương	-	226.800.000
Công ty TNHH Cao su Hảo Sơn	-	698.250.000
Công ty TNHH Mạng lưới HS Việt Nam	-	300.000.000
Công ty CP Cao su Việt Phú Thịnh	201.999.805	422.201.476
Công ty CP Công Nghiệp & XNK Cao su	374.354.095	9.191.434
Công ty CP & ĐT XD Cao su	468.160.838	1.303.749
Công ty CP Chế biến gỗ Thuận An	326.611.018	2.799.923
Tổng cộng	1.789.622.852	2.080.631.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.602.741.273	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.452.338.171	414.773.893
Tổng cộng	4.055.079.444	414.773.893

21. Phải trả người lao động

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền lương công nhân viên	3.251.251.627	26.266.852.944
Quỹ lương dự phòng	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng cộng	8.251.251.627	31.266.852.944

22. Chi phí phải trả

Là khoản chi phí kinh doanh ghi nhận trước của tháng 12 năm 2008 đã được trả trong quý 1 năm 2009. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2009, các khoản chi phí phải trả đã hết số dư.

23. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2009	01/01/2009
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	544.208.925	-
Bảo hiểm y tế	75.145.070	-
Bảo hiểm thất nghiệp	31.581.745	-
Kinh phí công đoàn	-	651.703.663
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	86.833.996
Công ty CP Chế biến gỗ Thuận An	33.397.000	-
Công ty CP Đầu tư & XD Cao su	21.436.996	-
Công ty CP Công Nghiệp & XNK Cao su	182.606.000	-
Phải trả tiền trợ cấp 3 chế độ BHXH	152.626.030	-
Phải trả cổ tức	540.000	23.760.000.000
Vận động CNV ủng hộ thiên tai	621.584.000	696.584.000
Quỹ "Vi tương lai con em chúng ta"	85.272.000	91.582.000
Các khoản phải trả khác	15.460.000	21.042.586
Tổng cộng	1.763.857.766	25.307.746.245

24. Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác thể hiện khoản phải trả Nhà Nước bán cổ phiếu cho người lao động nghèo được trả chậm 10 năm kể từ năm 2004.

25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	01/01/2009	Trích trong kỳ	Chi trong kỳ	30/06/2009
	VND	VND	VND	VND
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	3.039.884.799	-	(625.009.875)	2.414.874.924
Tổng cộng	3.039.884.799	-	(625.009.875)	2.414.874.924

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Xã Hòa Bình, Huyện Xuyên Mộc

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****26. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2008	172.609.760.000	2.372.608.450	(14.047.089.295)	-	19.050.000.000	158.155.592.213	338.140.871.368
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	88.024.588.826	88.024.588.826
Phân phối lợi nhuận năm	-	-	-	32.393.279.532	-	(32.393.279.532)	-
Trích lập quỹ phúc lợi trc	-	-	-	-	-	(16.726.000.000)	(16.726.000.000)
Quỹ phúc lợi đã hình thành	-	-	-	-	-	-	-
Chi cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(94.385.335.000)	(94.385.335.000)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phát hành	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2008	172.609.760.000	2.372.608.450	(14.047.089.295)	32.393.279.532	19.050.000.000	102.675.566.507	315.054.125.194
Tại ngày 01/01/2009	172.609.760.000	2.372.608.450	(14.047.089.295)	32.393.279.532	19.050.000.000	102.675.566.507	315.054.125.194
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	22.451.117.817	22.451.117.817
Phân phối lợi nhuận năm	-	-	-	21.305.047.132	-	(21.305.047.132)	-
Trích lập quỹ phúc lợi trc	-	-	-	-	-	(11.120.000.000)	(11.120.000.000)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Chi cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(8.580.485.000)	(8.580.485.000)
Tại ngày 30/06/2009	172.609.760.000	2.372.608.450	(14.047.089.295)	53.698.326.664	19.050.000.000	84.121.152.192	317.804.758.011

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	95.040.000.000	95.040.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	77.569.760.000	77.569.760.000
Tổng cộng	172.609.760.000	172.609.760.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Xã Hòa Bình, Huyện Xuyên Mộc

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****c. Cổ phiếu**

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	17.260.976	17.260.976
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	-	-
+ Cổ phiếu thường	17.260.976	17.260.976
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ được mua lại	100.006	100.006
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.160.970	17.160.970
+ Cổ phiếu thường	17.160.970	17.160.970
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu		

d. Cổ tức

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
	VND	VND
Chi trả cổ tức (*)	8.580.485.000	51.482.910.000
	8.580.485.000	51.482.910.000

(*) Khoản chi cổ tức trong giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 là tiền chi trả cổ tức của năm 2008.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2009	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	30/06/2009
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.964.588.173	11.120.000.000	(7.606.514.411)	10.478.073.762
	6.964.588.173	11.120.000.000	(7.606.514.411)	10.478.073.762

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.290.498.754	109.448.053.859
- Doanh thu xuất khẩu mủ cao su	37.660.587.798	50.397.863.359
- Doanh thu bán mủ cao su nội địa	22.583.532.600	59.050.190.500
- Doanh thu khác	46.378.356	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
- Thuế xuất khẩu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	60.290.498.754	109.448.053.859

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	50.393.888.266	60.897.393.789
- Thành phẩm cao su	54.659.435.000	60.897.393.789
- Dự phòng giảm giá thành phẩm cao su	(4.311.925.090)	-
- Giá vốn khác	46.378.356	-
Tổng cộng	50.393.888.266	60.897.393.789

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, trái phiếu	3.516.958.414	3.620.689.204
Cổ tức, lợi nhuận được chia	536.500.000	327.150.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.024.446.240	326.542.857
Tổng cộng	5.077.904.654	4.274.382.061

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Chi phí lãi vay	64.787.361	14.560.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.881	389.642.218
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(5.566.110.000)	18.813.500.800
Tổng cộng	(5.501.304.758)	19.217.703.018

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, bao bì	346.078.863	443.183.246
Chi phí vận chuyển, bốc vác	239.478.460	307.213.520
Chi phí thuê kiểm phẩm	62.370.000	45.838.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.109.585	114.044.969
Chi phí khác	184.551.954	374.298.976
Tổng cộng	924.588.862	1.284.579.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.802.928.150	2.045.163.628
Chi phí vật liệu quản lý	37.242.312	55.045.750
Chi phí đồ dùng văn phòng	17.371.718	12.530.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	319.203.645	332.239.767
Thuế, phí và lệ phí	204.426.195	111.465.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	265.263.870	298.743.075
Chi phí bằng tiền khác	912.208.118	1.214.619.053
Tổng cộng	3.558.644.008	4.069.806.901

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
	VND	VND
Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	10.683.914.027	19.614.786.504
Thu bán vật tư, phế liệu thu hồi	80.241.000	416.552.640
Các khoản thu khác	22.258.469	111.418.764
Tổng cộng	10.786.413.496	20.142.757.908

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
	VND	VND
Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.688.965.745	3.327.842.996
Giá vốn vật tư, phế liệu thu hồi	14.122.000	197.921.900
Chi phí khác	22.053.691	23.935.710
Tổng cộng	1.725.141.436	3.549.700.606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.053.859.090	44.846.010.003
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(508.432.000)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	28.068.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(536.500.000)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	24.545.427.090	44.846.010.003
Thuế suất hiện hành	15% & 20%	15% & 20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.602.741.273	-
Thuế thu doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.602.741.273	-

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế đối với sản xuất cao su, thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế đối với các hoạt động kinh doanh còn lại. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004), và giảm 50% trong 8 năm tiếp theo đối với sản xuất cao su, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo đối với các hoạt động kinh doanh còn lại

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	22.451.117.817	44.846.010.003
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	17.160.970	17.160.970
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.308	2.613

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Huỳnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 20 tháng 7 năm 2009

Bùi Phước Tiên
Kế toán trưởng